

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2025/HN-ST

Ngày: 25-6-2025

*“V/v tranh chấp yêu cầu
không công nhận vợ chồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền
2. Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang -
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Mỹ Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 84/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2025, về: *“Tranh chấp yêu cầu không công nhận vợ chồng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 295/2025/QĐXX-ST ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Q, sinh năm 1973; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1969; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị Q, anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, chị Phan Thị Q trình bày:

1. Chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Nguyễn là vợ chồng. Lý do: Chị và anh Nguyễn do tìm hiểu tự nguyện sống chung năm 1998, tuy nhiên

không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Chị và anh Nguyễn không còn sống chung từ tháng 8/2024 cho đến nay. Nay tình cảm đã không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung là Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 18/3/2003, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung không có, không yêu cầu.

4. Về nợ chung không có, không yêu cầu.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày quá trình tố tụng:

1. Do anh và chị Q không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án không nhận anh và chị Q là vợ chồng.

2. Về con chung là Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 18/3/2003, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung không có, không yêu cầu.

4. Về nợ chung không có, không yêu cầu.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét: Không công nhận chị Phan Thị Q và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng do không có đăng ký kết hôn; Con chung: Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 18/3/2003, đã trưởng thành, không giải quyết. Tài sản chung và nợ chung: Chị Q và anh Nguyễn cùng trình bày không có, không yêu cầu, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn yêu cầu của chị Phan Thị Q, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp yêu cầu không công nhận vợ chồng*”; Trong đó xác định chị Phan Thị Q là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn N là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của chị Q và anh N, có đơn xin vắng, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét về mối quan hệ giữa chị Q và anh N thấy rằng: Chị Q và anh N trình bày cùng sống chung vào năm 2018, có 01 con chung nhưng không có đăng ký kết hôn. Căn cứ xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ và Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đều xác định: Chị Q và anh N không có đăng ký kết hôn. Nay do phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, chị Q và anh N đều có nguyện vọng yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội tuyên bố chị Q và anh N không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 18/3/2003, đã trưởng thành, không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Q và anh N trình bày không có, không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Q và anh N trình bày không có, không yêu cầu, không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch, chị Q chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

1. Không công nhận chị Phan Thị Q và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 18/3/2003, đã trưởng thành, không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Phan Thị Q và anh Nguyễn Văn N trình bày không có, không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Phan Thị Q và anh Nguyễn Văn N trình bày không có, không yêu cầu, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chị Phan Thị Q phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0008531 ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Thúy Hằng